

Số: 55/2005/QĐ-UBND

Buôn Ma Thuột, ngày 12 tháng 9 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành quy định về chế độ báo cáo công tác tiếp dân
và giải quyết khiếu nại, tố cáo**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội Khóa 11, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày ngày 26/11/2003.
- Căn cứ Luật khiếu nại, tố cáo ngày 02/12/1998 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo ngày 15/6/2004;
- Căn cứ Nghị định số 53/2005/NĐ-CP ngày 19/4/2005 của Chính phủ “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật khiếu nại, tố cáo và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo”.

Theo đề nghị của Ông Chánh Thanh tra tỉnh Đắk Lắk tại tờ trình số 218/TT-TTr ngày 29/ 7/2005.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về chế độ báo cáo công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo”.

Điều 2. - Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2005 và thay thế Quyết định số: 2954/QĐ-UB ngày 09/12/1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk “V/v ban hành quy định về chế độ báo cáo công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo”.

- Giao cho Chánh Thanh tra tỉnh hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện Quyết định này và mở sổ theo dõi hình thành chấp hành chế độ báo cáo của thủ trưởng các cơ quan đơn vị trực thuộc UBND tỉnh để định kỳ báo cáo với Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh; Thủ trưởng cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, TP. Buôn Ma Thuột chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./1-1

Nơi nhận:

- Vụ Pháp chế - TTr Chính phủ (thay báo cáo);
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp (Để kiểm tra).
- T T. Tỉnh ủy (thay báo cáo);
- T T. HĐND tỉnh (thay báo cáo);
- Như điều III (để thực hiện);
- UBMTTQ tỉnh (để biết);
- Lãnh đạo VP;
- Các BP NC;
- TTTH;
- Lưu VT, NC (60 bản).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN LẠNG

**QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VIỆC THỰC HIỆN LUẬT
KHIẾU NẠI, TỔ CÁO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 55/2005/QĐ-UB ngày 22/9/2005
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Điều 1: Trách nhiệm báo cáo:

Định kỳ hàng tháng, quý, 06 tháng, 09 tháng và cả năm; Thủ trưởng Cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh (gọi chung là cấp sở); Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Buôn Ma Thuột chịu trách nhiệm báo cáo toàn bộ tình hình công tác tiếp dân, tiếp nhận và xử lý đơn thư; kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị và phản ánh của công dân thuộc thẩm quyền và lĩnh vực mình quản lý gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh (Qua Thanh tra tỉnh) theo đúng nội dung và thời gian quy định.

Đối với bộ phận tiếp dân của Thường trực Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân và Đoàn Đại biểu Quốc hội, Ủy ban nhân dân tỉnh, có trách nhiệm báo cáo công tác tiếp dân, tiếp nhận và xử lý đơn thư gửi về Thanh tra tỉnh vào ngày thứ 3 hàng tuần để Thanh tra tỉnh tổng hợp báo cáo chung toàn tỉnh; đồng thời thực hiện báo cáo theo định kỳ nói trên.

Điều 2: Căn cứ nội dung bản quy định này Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng Cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Buôn Ma Thuột ban hành văn bản quy định chi tiết chế độ và trách nhiệm báo cáo tình hình công tác tiếp dân, tiếp nhận, xử lý đơn thư và kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị và phản ánh của công dân đối với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc (đối với các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh); Trưởng phòng ban chuyên môn và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trực thuộc cấp mình quản lý (đối với huyện, thành phố Buôn Ma Thuột).

Điều 3: Phạm vi phản ánh và nội dung trong báo cáo.

1) Phạm vi phản ánh trong báo cáo: Toàn bộ tình hình công tác tiếp dân, tiếp nhận và xử lý đơn thư; kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị và phản ánh của công dân trên địa bàn, lĩnh vực mình quản lý (đối với các Cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp tình hình xét khiếu tố của các đơn vị trực thuộc; đối với Ủy ban nhân dân huyện, Thành phố Buôn Ma Thuột tổng hợp tình hình xét khiếu tố của các Phòng ban, cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân xã, phường, thị trấn trên địa bàn).

2) Nội dung báo cáo phải phản ánh đầy đủ các yêu cầu sau:

- Tình hình thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn, lĩnh vực do mình quản lý.

Gồm các nội dung sau:

- + Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khiếu nại, tố cáo;
- + Công tác ban hành các văn bản hướng dẫn về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền;
- + Công tác thanh tra, kiểm tra các cấp, các ngành trong việc thực hiện các quy định của Luật khiếu nại, tố cáo;

- + Kết quả thực hiện việc giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền;
- + Công tác bồi dưỡng và tập huấn cho cán bộ, công chức làm công tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo;
- + Tổng hợp tình hình khiếu nại, tố cáo; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo;
- + Tổng kết kinh nghiệm về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn *(Nội dung được quy định cụ thể tại Điều 80 Luật khiếu nại, tố cáo đã được sửa đổi năm 2004 và Điều 58 Nghị định số 53/2005/NĐ-CP ngày 19/4/2005 của Chính phủ)*;

- Công tác tổ chức tiếp dân, tiếp nhận và xử lý đơn thư; kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị và phản ánh trên địa bàn, lĩnh vực mình quản lý;

- Kết quả xử lý sau thanh tra của cấp có thẩm quyền;

- Đánh giá cụ thể, rõ ràng nguyên nhân khách quan, chủ quan kết quả đạt được và những tồn tại yếu kém trong từng nội dung, đồng thời đưa ra các kiến nghị, đề xuất với cấp trên *(nếu có)*.

Điều 4: Thời điểm lấy số liệu và thời hạn gửi báo cáo:

- **Đối với báo cáo tháng:** Số liệu lấy từ ngày 10 tháng trước đến ngày 10 tháng sau và thời hạn gửi chậm nhất là ngày 15 hàng tháng của năm báo cáo. Thanh tra tỉnh tổng hợp gửi Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất là ngày 20 hàng tháng.

- **Báo cáo quý I:** Số liệu lấy từ ngày 01 tháng 12 năm trước đến hết ngày cuối cùng *(ngày 28 hoặc 29 nếu có)* của tháng 02 năm báo cáo và thời hạn gửi chậm nhất là ngày 05 tháng 3 của năm báo cáo.

- **Báo cáo Sơ kết (6 tháng):** Số liệu lấy từ ngày 01 tháng 12 năm trước đến hết ngày cuối cùng *(ngày 30 hoặc 31 nếu có)* của tháng 5 năm báo cáo và thời hạn gửi chậm nhất là ngày 05 tháng 6 của năm báo cáo.

- **Báo cáo 9 tháng:** Số liệu lấy từ ngày 01 tháng 12 năm trước đến hết ngày cuối cùng *(ngày 30 hoặc 31 nếu có)* của tháng 8 năm báo cáo và thời hạn gửi chậm nhất là ngày 05 tháng 9 của năm báo cáo.

- **Báo cáo tổng kết (cả năm):** Số liệu lấy từ ngày 01 tháng 12 năm trước đến hết ngày cuối cùng *(ngày 30 hoặc 31 nếu có)* của tháng 11 năm báo cáo và thời hạn gửi chậm nhất là ngày 05 tháng 12 của năm báo cáo.

Đối với báo cáo chuyên đề, giao cho Chánh Thanh tra tỉnh chịu trách nhiệm tổng hợp số liệu chung toàn tỉnh và báo cáo bằng văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk *(qua Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh)* ký ban hành chậm nhất là ngày 10 tháng 03 *(đối với báo cáo quý I)*, ngày 10 tháng 06 *(đối với báo cáo 06 tháng)*, ngày 10 tháng 09 *(đối với báo cáo 09 tháng)* và ngày 10 tháng 12 *(đối với báo cáo tổng kết năm)* của năm báo cáo.

(có mẫu báo cáo kèm theo)

Điều 5: Báo cáo đột xuất.

Báo cáo đột xuất được lập và gửi khi có yêu cầu cụ thể của cấp trên hoặc khi đơn vị xét thấy cần thiết phải báo cáo với cấp trên về một vấn đề, một nội dung hay một sự việc cụ thể nào đó xảy ra trong quá trình thực hiện nhiệm vụ xét khiếu tố trên địa bàn, lĩnh vực mình quản lý.

Điều 6: Thủ trưởng Cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Buôn Ma Thuột trong quá trình thụ lý giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị và phản ánh thuộc thẩm quyền của mình có trách nhiệm gửi đến Thanh tra tỉnh các văn bản sau:

- 1) Quyết định thành lập đoàn thanh tra;
- 2) Báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh của đoàn Thanh tra hoặc của người ban hành quyết định Thanh tra;
- 3) Quyết định giải quyết khiếu nại (*đơn khiếu nại*) hoặc kết luận giải quyết tố cáo (*đơn tố cáo*), công văn trả lời (*đơn kiến nghị, phản ánh*);
- 4) Các quyết định xử lý sau thanh tra.

Các văn bản trên phải được gửi ngay sau khi ban hành.

Điều 7: Hội đồng thi đua khen thưởng tỉnh Đắk Lắk xem việc thực hiện các quy định này là một tiêu chuẩn để đánh giá xét thi đua khen thưởng, kỷ luật hàng năm đối với Thủ trưởng các Cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Buôn Ma Thuột theo đúng quy định của Luật thi đua khen thưởng.

Điều 8: Thủ trưởng Cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Buôn Ma Thuột căn cứ bản quy định này có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo theo quy định của Luật khiếu nại, tố cáo.

Điều 9: Giao cho Chánh Thanh tra tỉnh hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện quyết định này, đồng thời mở sổ theo dõi tình hình chấp hành chế độ báo cáo của Thủ trưởng Cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Buôn Ma Thuột để định kỳ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

* Trên đây là những quy định trách nhiệm chế độ báo cáo của Thủ trưởng Cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Buôn Ma Thuột trong việc thực hiện Luật khiếu nại, tố cáo trên địa bàn toàn tỉnh Đắk Lắk./.

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN LẠNG